

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 35/2018/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Đường bộ Việt Nam trực thuộc Bộ Giao thông vận tải

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Đường bộ Việt Nam trực thuộc Bộ Giao thông vận tải.

Điều 1. Vị trí và chức năng

Tổng cục Đường bộ Việt Nam là tổ chức trực thuộc Bộ Giao thông vận tải, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về giao thông vận tải đường bộ trong phạm vi cả nước; tổ chức thực hiện các dịch vụ công về giao thông vận tải đường bộ theo quy định của pháp luật.

Tổng cục Đường bộ Việt Nam có tư cách pháp nhân, có con dấu hình Quốc huy, có tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước và trụ sở tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Xây dựng đề Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (sau đây viết tắt là Bộ trưởng) trình cấp có thẩm quyền hoặc ban hành theo thẩm quyền:

a) Dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội; dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; các dự thảo nghị quyết, nghị định của Chính phủ; dự thảo quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; cơ chế, chính sách và các văn bản khác thuộc phạm vi quản lý;

b) Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, trung hạn, hàng năm, chương trình, dự án quốc gia, đề án phát triển giao thông vận tải đường bộ trong phạm vi cả nước.

2. Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành giao thông vận tải đường bộ, trình Bộ trưởng ban hành theo thẩm quyền hoặc đề Bộ trưởng đề nghị cơ quan có thẩm quyền thẩm định, công bố; tổ chức xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở chuyên ngành giao thông vận tải đường bộ.

3. Chỉ đạo, kiểm tra và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, chương trình quốc gia, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án về giao thông vận tải đường bộ sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc ban hành.

4. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về giao thông vận tải đường bộ.

5. Về quản lý đầu tư xây dựng, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ:

a) Xây dựng trình Bộ trưởng ban hành hoặc đề Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế tạo nguồn vốn và các quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

b) Xây dựng trình Bộ trưởng quyết định phân loại, điều chỉnh hệ thống quốc lộ; quy định việc đầu nối vào đường bộ; quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ và công bố về tải trọng, khổ giới hạn của quốc lộ; quy định về báo hiệu đường bộ; quy định tốc độ xe và việc đặt biển báo tốc độ; tổ chức và hoạt động của trạm kiểm tra tải trọng xe; quy định việc cấp giấy phép lưu hành cho xe quá khổ giới hạn, quá tải trọng, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và tổ chức thực hiện;

c) Quyết định đầu tư, chủ đầu tư các dự án xây dựng công trình đường bộ theo quy định của pháp luật và phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng;

d) Tổ chức giao thông trên hệ thống quốc lộ, bảo đảm giao thông an toàn, thông suốt; tổ chức quản lý, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông trên quốc lộ do Tổng cục quản lý;

đ) Hướng dẫn công tác quản lý, bảo trì, khai thác và tổ chức giao thông đường địa phương; tổng hợp tình hình phát triển hệ thống đường địa phương trong phạm vi cả nước;

e) Xây dựng đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong quản lý, bảo trì quốc lộ; trình Bộ trưởng ban hành khung giá bảo dưỡng thường xuyên tài sản hạ tầng đường bộ thuộc Bộ quản lý;

g) Phối hợp với cơ quan có liên quan và chính quyền địa phương bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông và hành lang an toàn đường bộ;

h) Tổ chức đấu thầu, đặt hàng hoặc giao kế hoạch thực hiện sản xuất, cung ứng sản phẩm và dịch vụ công ích trong quản lý, bảo trì quốc lộ theo quy định của pháp luật;

i) Quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ theo hình thức đối tác công - tư theo quy định của pháp luật và phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng;

k) Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng đường bộ theo quy định của pháp luật và phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng.

6. Về quản lý đường bộ cao tốc:

a) Tổ chức xây dựng trình Bộ trưởng hoặc đề Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách về quản lý, khai thác và bảo trì đường bộ cao tốc;

b) Tổ chức vận hành hệ thống quản lý giám sát giao thông; tổ chức quản lý, khai thác, bảo trì, đảm bảo an toàn giao thông và bảo vệ kết cấu hạ tầng các tuyến đường bộ cao tốc được giao; hướng dẫn việc quản lý, khai thác, bảo trì công trình đường cao tốc trong phạm vi cả nước;

c) Huy động các nguồn vốn đầu tư, tổ chức quản lý các dự án đầu tư xây dựng; kiểm tra, giám sát thực hiện các hợp đồng quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ cao tốc theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng.

7. Về quản lý phương tiện và người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (trừ phương tiện và người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh):

a) Xây dựng trình Bộ trưởng quy định việc đào tạo, sát hạch, cấp, đổi, gia hạn và thu hồi giấy phép lái xe cho người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; quy định việc cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông; hướng dẫn tổ chức thực hiện;

b) Xây dựng trình Bộ trưởng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trung tâm sát hạch lái xe; tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra việc cấp giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ đủ điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật;

c) In, phát hành, hướng dẫn và quản lý việc sử dụng giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trong phạm vi cả nước;

d) Quản lý việc đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ và chúng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ theo phân cấp của Bộ trưởng;

đ) Tổ chức thực hiện đăng ký xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ;

e) Phối hợp xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của phương tiện, thiết bị giao thông vận tải đường bộ;

g) Tổ chức cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, quá khổ giới hạn của đường bộ, xe bánh xích gây hư hại mặt đường; cấp phép cho phương tiện, lực lượng đi kèm theo phương tiện đường bộ thực hiện tìm kiếm, cứu nạn theo quy định của pháp luật.

8. Về quản lý vận tải đường bộ:

a) Xây dựng trình Bộ trưởng quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải đường bộ, các dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ và phê duyệt chương trình, kế hoạch hợp tác quốc tế về vận tải đường bộ;

b) Xây dựng trình Bộ trưởng đề trình cơ quan có thẩm quyền phê chuẩn đề xuất việc ký kết hoặc gia nhập các điều ước quốc tế về đường bộ; tổ chức việc cấp phép vận tải đường bộ quốc tế theo các điều ước, thỏa thuận quốc tế về vận tải đường bộ theo phân cấp của Bộ trưởng;

c) Quản lý hoạt động vận tải đường bộ và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ theo quy định của pháp luật; quản lý các tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô theo phân công của Bộ trưởng;

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện điều kiện kinh doanh vận tải đường bộ và các quy định về dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ; hướng dẫn tổ chức phát triển kinh tế tập thể trong vận tải đường bộ;

đ) Phối hợp xây dựng khung giá cước vận tải, xếp dỡ, các dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ được hoạt động độc quyền và những dịch vụ Nhà nước trợ giá hoặc giao doanh nghiệp thực hiện.

9. Về an toàn giao thông đường bộ:

a) Xây dựng trình Bộ trưởng đề án, giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức thực hiện công tác phòng, chống, ứng phó sự cố, thiên tai và phối hợp tìm kiếm cứu nạn trong giao thông đường bộ theo phân công của Bộ trưởng;

c) Hướng dẫn, kiểm tra, phối hợp thực hiện công tác kiểm soát tải trọng phương tiện vận tải đường bộ trong phạm vi cả nước;

d) Tổ chức thẩm định an toàn giao thông trong xây dựng, quản lý và bảo trì đường bộ;

đ) Tổ chức thanh tra, kiểm tra về an toàn, vệ sinh lao động; tổ chức điều tra tai nạn lao động xảy ra trên phương tiện vận tải đường bộ theo quy định của pháp luật.

10. Về bảo vệ môi trường trong giao thông vận tải đường bộ:

a) Tổ chức lập, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường đối với quy hoạch, chương trình, dự án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, đề án, quy hoạch, kế hoạch về bảo vệ môi trường trong xây dựng, quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý.

11. Thực hiện hợp tác quốc tế giao thông vận tải đường bộ theo phân cấp của Bộ trưởng.

12. Nghiên cứu, ứng dụng tiên bộ khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực giao thông vận tải đường bộ; xây dựng, triển khai các chương trình, dự án ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu, bảo đảm dịch vụ thông tin phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực giao thông vận tải đường bộ.

13. Thanh tra chuyên ngành về giao thông vận tải đường bộ, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo, thực hiện phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

14. Quản lý tổ chức bộ máy, công chức, viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng; thực hiện chế độ, chính sách, thi đua, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức, viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng.

15. Quản lý tài chính, tài sản và nguồn lực khác được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng.

16. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Bộ trưởng giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Vụ Kế hoạch - Đầu tư;
2. Vụ Tài chính;
3. Vụ An toàn giao thông;
4. Vụ Quản lý, bảo trì đường bộ;
5. Vụ Khoa học công nghệ, Môi trường và Hợp tác quốc tế;
6. Vụ Vận tải;
7. Vụ Quản lý phương tiện và người lái;
8. Vụ Tổ chức - Hành chính;
9. Vụ Pháp chế - Thanh tra;
10. Cục Quản lý xây dựng đường bộ;
11. Cục Quản lý đường bộ I;
12. Cục Quản lý đường bộ II;
13. Cục Quản lý đường bộ III;
14. Cục Quản lý đường bộ IV;
15. Trường Trung cấp Giao thông vận tải miền Bắc;
16. Trường Trung cấp Giao thông vận tải miền Nam;
17. Trường Trung cấp Cơ giới đường bộ;
18. Trường Trung cấp Giao thông vận tải Thăng Long;
19. Trung tâm Truyền thông và Thông tin đường bộ;
20. Trung tâm Kỹ thuật đường bộ.

Các tổ chức quy định từ khoản 1 đến khoản 14 Điều này là đơn vị giúp Tổng Cục trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước; các tổ chức quy định từ khoản 15 đến khoản 20 Điều này là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng cục.

Cục Quản lý đường bộ I có 04 phòng, 01 đội, 08 chi cục và 01 Trung tâm Kỹ thuật đường bộ. Cục Quản lý đường bộ II có 04 phòng, 01 đội, 06 chi cục và 01 Trung tâm Kỹ thuật đường bộ. Cục Quản lý đường bộ III có 04

phòng, 01 đội, 05 chi cục và 01 Trung tâm Kỹ thuật đường bộ. Cục Quản lý đường bộ IV có 04 phòng, 01 đội, 07 chi cục, 01 Trung tâm Kỹ thuật đường bộ và Cục phà Vàm Cống. Cục Quản lý xây dựng đường bộ có Văn phòng và 04 phòng.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Tổng cục.

Điều 4. Lãnh đạo Tổng cục

1. Tổng cục Đường bộ Việt Nam có Tổng Cục trưởng và không quá 04 Phó Tổng Cục trưởng.

Tổng Cục trưởng và các Phó Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động theo quy định của pháp luật.

2. Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Tổng cục. Phó Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam chịu trách nhiệm trước Tổng Cục trưởng và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công phụ trách.

3. Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc Tổng cục theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Đến năm 2020, Bộ Giao thông vận tải thực hiện việc cổ phần hóa các trung tâm kỹ thuật đường bộ; sắp xếp lại các trường trung cấp thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Giao thông vận tải đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2018 và thay thế Quyết định số 60/2013/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Đường bộ Việt Nam thuộc Bộ Giao thông vận tải.

3. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Tổng cục Đường bộ Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (2). xH

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc